



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

Fun time 4 · Ôn Unit 13–14 (SGK tr. 63–64)



Tuần 30

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Mẫu: Nn Tt

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Nn, Tt). Chưa cần viết từ.

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu



oodles



uts



ananas



iger



urtle

Bài 3: Look and write – viết chữ cái còn thiếu (1–2 chữ)



oodles



ts



baanas



ger



urtle

Bài 4: Match – nối mẹ đọc từ, bé nối hình với từ



•

nuts



•

turtle



•

tiger



•

noodles



•

bananas

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. Bố mẹ đọc «noodles» – chữ cái đầu là:

2. Bố mẹ đọc «nuts» – chữ cái đầu là:

3. Bố mẹ đọc «bananas» – chữ cái đầu là:

4. Bố mẹ đọc «tiger» – chữ cái đầu là:

n	i	g
m	n	l
t	c	b
t	d	h

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. Bố mẹ đọc: «She's having noodles.» Câu này nghĩa là:

(A) Bạn ấy đang ăn mì. (B) Bạn ấy đang ăn lạc.

2. Bố mẹ đọc: «I can see a tiger.» Câu này nghĩa là:

(A) Tôi nhìn thấy một con hổ. (B) Tôi nhìn thấy một con rùa.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 30

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Nn, Tt

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

 – noodles  – nuts  – bananas  – tiger  – turtle

Bài 3: Look and write – viết chữ cái còn thiếu (1-2 chữ)

 – noodles  – nuts  – bananas  – tiger  – turtle

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ

 – noodles  – nuts  – bananas  – tiger  – turtle

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. A (n) 2. B (n) 3. C (b) 4. A (t)

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. A (Bạn ấy đang ăn mì.) 2. A (Tớ nhìn thấy một con hổ.)

on thi . app / phieu - bai - tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5